TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ H ỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 405/2022/HC-PT
Ngày: 09/9/2022
V/v yêu cầu hủy Công văn trả lời đơn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ H ỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 317/2021/TLPT-HC ngày 21 tháng 9 năm 2021 về việc *"yêu cầu hủy Công văn trả lời đơn"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2021/HC-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8109/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Anh Lưu Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn Y, xã H , huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn N (vắng mặt) và Luật sư Ngô Thành B (có mặt) – Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Niềm Tin Công Lý, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

**** Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy P– Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ủy ban nhân dân xã H , huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kiều Ngọc Chỉnh – Chủ tịch xã. Có mặt.

2. Ông Lưu Đình K, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Y, xã H , huyện Y1, tỉnh

Bắc Ninh. Vắng mặt.

3. Ông Đinh Văn H1, sinh năm 1965 – trưởng thôn Y; địa chỉ: Thôn Y, xã H , huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

4. Ông Kiều Văn N, sinh năm 1958 – nguyên trưởng thôn Y; địa chỉ: Thôn Y, xã H , huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1938; địa chỉ: Thôn Y, xã H , huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

6. Chị Thân Thị Y2, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Y, xã H , huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là anh Lưu Văn H trình bày:

Năm 2006, Ủy ban nhân dân (UBND) xã H có chủ trương cấp đất giãn dân cho những hộ gia đình cá nhân có nhu cầu về đất ở, đồng thời tạo nguồn thu kinh phí cho địa phương để xây dựng cơ sở hạ tầng. Bố mẹ anh được địa phương tạo điều kiện cấp bán một lô theo quy hoạch với diện tích quy hoạch là 85m^2 tại vị trí khu Ao, thôn Y.

Gia đình anh đã chấp hành đầy đủ mức lệ phí cho địa phương với mức thu là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng),* có phiếu thu có chữ ký của ông K và ông N. Đến nay gia đình anh vẫn chưa được cấp có thẩm quyền giao đất. Ngược với hoàn cảnh của gia đình anh và một vài hộ khác thì có những hộ đã được phép làm nhà thậm chí nhà kiên cố từ rất lâu. Chờ đợi lâu không được giao đất, khi bố anh H còn sống đã có đơn gửi tới UBND huyện Y1 thì được biết:

- Ban đầu việc cấp bán đất cho dân trong đó gia đình anh mua là chưa đủ thủ tục theo quy định của pháp luật, tức là có lập dự án trình lên cấp có thẩm quyền nhưng chưa được phê duyệt và vẫn tiến hành thu tiền của dân. Tuy nhiên, việc cấp bán đất này với mục đích là lấy nguồn thu cho địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng nên việc cấp bán đất đã được UBND huyện Y1 hợp thức hóa theo quy định pháp luật về đất đai tại Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 17/4/2007 (sau đây viết tắt là Quyết định số 432) với nội dung *"Phê duyệt quy hoạch chi tiết khu dân cư Ao, Chuôm Cổng Bến".* Việc gia đình anh mua đất thổ cư từ năm 2006 tại Ao, Chuôm Cổng Bến đã được cấp có thẩm quyền là UBND huyện Y1 hoàn thiện hồ sơ pháp lý tại Quyết định số 432 nêu trên không còn là mua bán trái thẩm quyền nữa.

- UBND xã H ban hành Thông báo số 20/TB-UB ngày 11/12/2014, trong đó thừa nhận gia đình anh đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nộp tiền đất) không còn nợ nần gì địa phương.

- Về vị trí lô đất mà gia đình anh mua cũng đã được UBND xã H thừa nhận đó là lô số 07 vị trí Ao, Chuôm Cổng Bến (Kết luận số 05/KL-UB ngày 25/6/2009).

- UBND xã H đã xác nhận có sự chiếm dụng tiền sử dụng đất của hộ gia đình anh và một số gia đình khác nhưng không làm thủ tục giao đất là do lỗi của cán bộ đảng viên do Đảng ủy, UBND xã quản lý (Thông báo số 05) nhưng việc giải quyết hậu quả của sự chiếm dụng này chưa được Đảng ủy, UBND xã báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý để giao đất cho dân. Có dấu hiệu bao che cho cán bộ sai phạm.

Trong các ngày 05/3/2020, 02/5/2020 và 27/6/2020 anh H có đơn kêu cứu khẩn cấp gửi tới các cơ quan có thẩm quyền tỉnh Bắc Ninh và UBND huyện Y1 đề nghị xem xét, giải quyết dứt điểm vụ việc để gia đình anh được giao nhận đúng vị trí đất tại lô số 07 khu Ao, Chuôm Cổng Bến thuộc thôn Y, xã H, huyện Y1, Bắc Ninh theo tinh thần của Quyết định 432.

Đến ngày 07/7/2020, anh H nhận được Văn bản số 1009/UBND-NC của Chủ tịch UBND huyện Y1 (sau đây viết tắt là Văn bản số 1009) về việc giải quyết đơn của anh H. Theo đó, UBND huyện cho rằng: *"Nội dung đơn của công dân đã được UBND huyện xác minh, giải quyết trả lời rõ tại Văn bản số 923/CV-UBND ngày 07/10/2016"*. Tuy nhiên, nội dung Văn bản số 923/CV-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y1 (sau đây viết tắt là Văn bản số 923) đã không được giải quyết dứt điểm, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh.

Sự việc đã kéo dài rất lâu, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh.

Với những lý do trên, anh H đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giải quyết vấn đề sau:

- Hủy Văn bản số 1009 và Văn bản số 923 của Chủ tịch UBND huyện Y1.

- Yêu cầu UBND huyện Y1 phải giao cho gia đình anh H đúng vị trí đất tại lô số 07 khu Ao, Chuôm Cổng Bến thuộc Thôn Y, xã H , huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 432 của UBND huyện Y1.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Y1 là ông Nguyễn Duy P- Phó chủ tịch UBND huyện Y1 trình bày:

** Về nguồn gốc và quá trình đã thanh tra, kiểm tra liên quan đến khu đất bán trái thẩm quyền khu Ao, Chuôm Cổng Bến, thôn Y, xã H:*

- Tháng 12/1995, Hợp tác xã (HTX) thôn Y đã giao cấp bán đất trái thẩm quyền tại khu Ao, Chuôm Cổng Bến, thôn Y, xã H cho 15 hộ gia đình ở trong thôn, với 15 lô đất, tổng diện tích là 2.340m^2; trong đó: khu Ao Cổng Bến có 06 hộ, tổng diện tích là 720m^2 (120m^2/lô); khu Chuôm Cổng Bến có 09 hộ, tổng diện tích là 1.620m^2 (180 m^2/lô).

- Đến năm 2000 HTX thôn Y tiếp tục bán đất trái thẩm quyền tại khu đất trên cho 03 hộ gia đình ở trong thôn, với 03 lô, tổng diện tích là 360m^2; trong đó khu Ao Cổng Bến có 01 hộ, diện tích 120m^2; khu Chuôm Cổng Bến có 02 hộ, diện tích 240m^2 (120m^2/lô).

- Ngày 24/4/2000, Chủ tịch UBND huyện Y1 đã ban hành Quyết định số

103/QĐ-CT về thanh tra chuyên đề các nội dung hoạt động tài chính và công tác quản lý sử dụng đất đai ở địa bàn xã H ; ngày 20/7/2000, Thanh tra huyện Y1 đã ban hành Kết luận số 03/KL-TT về thanh tra chuyên đề các nội dung hoạt động tài chính và công tác quản lý sử dụng đất đai ở địa bàn xã H. Trong phần kết quả thanh tra của Kết luận thanh tra trên đã chỉ rõ: "*Việc giao cấp đất ở khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép; năm 1995-1996 thôn Y đã giao cấp bán và thu tiền đất của 36 hộ xã viên với tổng diện tích là 6.480m^2 đất tại khu Chỉ Trường, Cổng Bến là trái quy định của luật đất đai"*; tuy nhiên, kết quả kiểm tra cho thấy toàn bộ diện tích cấp bán trên đều nằm trong quy hoạch sử dụng đất được UBND huyện Y1 phê duyệt.

Trong phần kết luận và kiến nghị của Kết luận thanh tra nêu trên đã kết luận về hướng xử lý đối với việc giao cấp đất trái thẩm quyền tại khu Chỉ Trường, Cổng Bến nêu trên là: *"Yêu cầu Chủ tịch UBND xã H cùng với thôn Y lập hồ sơ đất trình cấp có thẩm quyền hợp thức hóa toàn bộ số diện tích đã nằm trong quy hoạch dân cư do UBND huyện phê duyệt".*

- Sau đó UBND xã H đã chỉ đạo thôn Y cùng UBND xã phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành lập hồ sơ quy hoạch (để hợp pháp hóa theo quy định) các khu đất ở đã bán trái thẩm quyền nêu trên của thôn Y để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mặc dù hồ sơ quy hoạch (để hợp pháp hóa theo quy định) các khu đất ở đã bán trái thẩm quyền của thôn Y (trong đó có khu Ao, Chuôm Cổng Bến) chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhưng tháng 6/2006 HTX thôn Y lại tiếp tục giao cấp bán đất trái thẩm quyền (theo sơ đồ hồ sơ quy hoạch đang trình phê duyệt) cho 02 hộ gia đình (gồm hộ ông Lưu Văn H và hộ ông Lưu Văn N1) với 02 lô đất tại khu Chuôm Cổng Bến, diện tích 170m^2 (85m^2/lô).

- Đến ngày 17/4/2007 UBND huyện Y1 đã ban hành Quyết định số 432 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu dân cư Ao, Chuôm Cổng Bến, thôn Y, xã H , huyện Y1 (hợp thức hóa); trong đó tổng diện tích đất ở là 2.106m^2 (gồm: Ao Cổng Bến 08 lô; Chuôm Cổng Bến 15 lô).

Tuy nhiên, sau khi Quyết định số 432 nêu trên được ban hành và triển khai thực hiện thì Ban quản lý HTX thôn Y không thực hiện được theo Quyết định 432 nêu trên với lý do: HTX thôn Y không có kinh phí để nộp tiền sử dụng đất vào Kho bạc Nhà nước huyện Y1 theo diện tích và danh sách được phê duyệt để giao đất cho các hộ. Do đó, toàn bộ diện tích đất ở thôn Y bán trái thẩm quyền nêu trên chưa hợp thức hóa để giao và cấp GCNQSD đất ở cho các hộ đã mua.

Đến ngày 22/6/2007 Chủ tịch UBND huyện Y1 ban hành Quyết định số 1156/QĐ-CT về việc thanh tra công tác quản lý và sử dụng đất đai từ năm 2000 đến năm 2006 đối với Ban quản lý HTX, lãnh đạo thôn Y, xã H.

Qua thanh tra, kiểm tra ngày 12/12/2007 Chủ tịch UBND huyện Y1 đã ban hành Kết luận số 482/KL-CT về việc thanh tra công tác quản lý và sử dụng đất đai từ năm 2000-2006 đối với Ban quản lý HTX, lãnh đạo thôn Y, xã H. Trong

Kết luận đã nêu rõ: *"Thu hồi 170m^2 đất do Ban quản lý HTX khóa 2005-2007 bán trái thẩm quyền (bán ngày 08/10/2006) cho hai hộ là ông Lưu Văn H và hộ ông Lưu Văn N1 vì đã vi phạm khoản 3, Điều 15 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định Nhà nước không công nhận quyền sử dụng đất, không cấp giấy chứng nhận và thu hồi toàn bộ diện tích do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau".*

Sau khi có Kết luận thanh tra số 482/KL-CT ngày 12/12/2007 trên, Ban quản lý HTX thôn Y nhiệm kỳ 2005-2007 đã mời hộ ông Lưu Văn H (và 02 hộ gia đình khác) để trả lại số tiền các hộ đóng (nộp) để mua đất nhưng các hộ trên không nhận tiền và yêu cầu Ban quản lý HTX thôn Y giao đất. Ban quản lý HTX thôn Y không tiến hành giao đất *(với lý do: Lãnh đạo thôn Y đã bán trái thẩm quyền 01 lô đất tại khu Chuôm Cổng Bến cho hộ ông Lưu Văn H chỉ căn cứ vào sơ đồ hồ sơ quy hoạch (hợp thức hóa); còn thực tế không có đất ở thực địa để giao cho hộ ông H; vì tại khu Chuôm Cổng Bến trên lãnh đạo thôn Y đã bán hết cho 11 hộ gia đình từ năm 1995 và 2000; đồng thời cả 11 hộ trên đều không đồng ý thực hiện theo hồ sơ quy hoạch (ợp thức hóa), vì các lô đất trong quy hoạch không đúng với vị trí, diện tích thực tế đang sử dụng các hộ đã mua của thôn)* mà đã gửi toàn bộ số tiền của ba hộ trên vào Ngân hàng Nông nghiệp huyện Y1 khi hết khóa thì bàn giao toàn bộ số tiền gửi Ngân hàng cho khóa sau.

** Về ý kiến của Chủ tịch UBND huyện Y1 đối với yêu cầu của người khởi kiện:*

- *Đối với yêu cầu*: "UBND huyện Y1 phải giao cho gia đình anh H đúng vị trí đất tại lô số 07 khu Ao, Chuôm Cổng Bến thuộc Thôn Y, xã H, huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 432" là không có căn cứ, vì yêu cầu trái quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Trong Kết luận thanh tra số 482/KL-CT ngày 12/12/2007 của Chủ tịch UBND huyện Y1 nêu trên đã kết luận: *"Thu hồi 170m^2 đất do Ban quản lý HTX khóa 2005-2007 bán trái thẩm quyền (bán ngày 08/10/2006) cho hai hộ là ông Lưu Văn H và hộ ông Lưu Văn N1 vì đã vi phạm khoản 3, Điều 15 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định Nhà nước không công nhận quyền sử dụng đất, không cấp giấy chứng nhận và thu hồi toàn bộ diện tích do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đủng thẩm quyền kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau";* do đó, không có căn cứ để giao đất ở cho ông Lưu Văn H như yêu cầu của ông H.

- *Đối với yêu cầu:* "Hủy Văn bản số 1009 về việc giải quyết đơn của ông Lưu Văn H, thôn Y, xã H "; "Hủy Văn bản số 923 về việc trả lời đơn của ông Lưu Văn H, thôn Y, xã H " là không có căn cứ, bởi lẽ:

Chủ tịch UBND huyện Y1 đã xem xét giải quyết đơn đề nghị của ông Lưu Văn H theo đúng quy định của pháp luật; trong Văn bản số 923 đã trả lời rõ: *"không có căn cứ để giao đất ở cho công dân (ông H) như đơn đã trình bày",* đồng thời yêu cầu ông H *"thực hiện nghiêm túc Kết luận số 482/KL-CT ngày 12/12/2007 của Chủ tịch UBND huyện Y1".*

Từ những lý lẽ trên Chủ tịch UBND huyện Y1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh bác đơn khởi kiện của ông Lưu Văn H, thôn Y, xã H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã H trình bày:

Nhiệm kỳ 1995-1996 Ban quản trị HTX thôn Y có bán đất trái thẩm quyền khu Ao, Chuôm Cổng Bến cho 23 hộ với diện tích 2.106m^2. Đến năm 2007 Ban quản trị HTX thôn Y có làm thủ tục đề nghị cấp trên cho hợp thức hóa diện tích nói trên và được UBND huyện Y1 ra Quyết định số 432 về việc phê duyệt thì tập thể Ban quản trị HTX dịch vụ nông nghiệp thôn Y không thực hiện phần tài chính đối với Nhà nước. Mặc dù UBND xã đã đôn đốc và có ý kiến nhiều lần. Do vậy đến nay diện tích đất bán trái thẩm quyền khu Ao, Chuôm Cổng Bến, thôn Y chưa được Nhà nước cho phép hợp thức hóa để làm thủ tục giao cấp đất cho các hộ sử dụng lâu dài.

Năm 2006, tập thể Ban quản trị HTX dịch vụ nông nghiệp thôn Y có thu tiền làm thủ tục quy hoạch đất khu Chuôm Cổng Bến của công dân Lưu Văn H số tiền là 40 triệu đồng là có. Việc này Ban quản trị HTX thôn Y thu tiền quy hoạch đất ở là trái quy định của pháp luật. UBND xã yêu cầu trưởng thôn, Ban quản trị HTX thôn Y có trách nhiệm trả lại số tiền thu trái quy định cho anh Lưu Văn H). Tập thể thôn Y lúc đó cho biết có mời gia đình anh Lưu Văn H đến trả lại số tiền đã thu cho gia đình nhưng gia đình anh H không nhận tiền mà đề nghị tập thể giao đất cho gia đình. Tập thể không giao được đất cho gia đình anh Lưu Văn H vì khu Ao, Chuôm Cổng Bến, thôn Y chưa được Nhà nước cho phép hợp thức hóa. Số tiền trên ông trưởng thôn, Ban quản trị HTX thôn Y đã gửi vào Ngân hàng phát triển nông nghiệp Yên Phong năm 2016.

Căn cứ vào biên bản bàn giao giải quyết đơn thư liên quan đến đất đai chưa được giải quyết dứt điểm thì nhiệm kỳ mới: UBND xã có trách nhiệm đôn đốc lãnh đạo thôn Y thực hiện Kết luận số 482/KL-CT của thanh tra huyện Y1 và kết quả điều tra xác minh của Cơ quan điều tra Công an huyện Y1 năm 2016.

UBND xã H đồng ý với quan điểm của UBND huyện Y1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Kiều Văn Nam trình bày

Xã H không có chủ trương bán đất mà thôn cũng không có chủ trương bán đất, thực tế hộ anh H đã lấn chiếm đất trước đó. Sau đó thôn Y giai đoạn trước 2006 đã bán cho hộ anh H. Năm 2006 thực hiện Nghị quyết của Chi bộ thôn Y thực hiện việc giãn dân, thôn tiến hành xác minh lại, kiểm tra toàn bộ diện tích đất lấn chiếm của các hộ tại Khu Ao, Chuôm Cổng Bến của tập thể. Sau đó thôn tiến hành thu tiền của các hộ lấn chiếm để làm thủ tục quy hoạch cấp đất. Có thu của hộ anh Lưu Văn H 40 triệu đồng. UBND huyện Y1 về kiểm tra ra Quyết định thu hồi số diện tích 170m^2 giao cho UBND xã H quản lý và yêu cầu thôn trả lại tiền cho người thu. Thôn đã mời ông Hoàn lên trả nhưng các hộ không nhận tiền mà đòi giao đất. Thôn gửi số tiền trên vào Ngân hàng phát triển nông thôn huyện Y1. Ông N không dùng để chi tiêu cá nhân. Hết khóa chuyển giao cho trưởng thôn khác. Ông N không liên quan đến số tiền 40 triệu

đồng anh Lưu Văn H nộp. Nay anh H khởi kiện ông N đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Đình Kha trình bày:

Năm 1994-1995 UBND xã H cho phép quy hoạch đất giãn dân trong đó xúc tiến thu tiền của các hộ mua đất trong đó có anh H được ưu tiên mua 01 lô đất do gia đình anh H có công tôn tạo. Năm 1995 Thanh tra huyện Y1 đã có Kết luận Thanh tra về việc sai phạm của tập thể thôn Y bán đất trái thẩm quyền và đã thu tiền nhưng chưa giao đất. Thanh tra huyện đã kiến nghị yêu cầu địa phương và UBND xã H kết hợp với thôn để làm thủ tục hợp thức hóa cho dân. Nhưng do điều kiện thôn Y đã dùng tiền thu của dân trong đó có hộ anh H làm các công trình phúc lợi cho dân cụ thể là đường giao thông nên không có tiền để hợp thức hóa đất cho dân. Đến năm 2006 hộ anh H ý kiến với địa phương mua thêm một lô đất tại Ao, Chuôm Cổng Bến xã H. Thôn Y trình chi bộ thôn Y cho phép giải quyết bán cho anh H lô đất thứ hai có diện tích 85m^2 với giá 40.000.000 đồng. Ông K trực tiếp thu của anh H. Sau năm 2006 các hộ mua đất kiến nghị nhiều việc không mua được đất, UBND huyện Y1 lại thành lập tổ thanh tra về thôn Y kiểm tra về tình hình quản lý sử dụng dất và số tiền thu chi tiền đất từ năm 2000-2006 (Trước và sau thời điểm nên đoàn Thanh tra lại thanh tra từ năm 1994-2006). Trong đó Thanh tra huyện đã kiểm điểm các khóa trưởng thôn quản lý sai phạm trong lĩnh vực đất đai và thu hồi tổng các diện tích thôn Y bán trái thẩm quyền. Trong đó có hộ anh Lưu Văn H nộp tiền mua đất năm 2006. Thanh tra huyện kết luận thôn Y trả lại số tiền thu 40.000.000 đồng của anh H và thu hồi 85m^2 đất bán trái thẩm quyền. Sau khi có Kết luận của thanh tra huyện yêu cầu UBND xã H kết hợp với thôn Y thực hiện theo đúng kết luận của thanh tra. Thôn Y có mời gia đình anh H đến trả lại số tiền 40 triệu đồng. Nhưng gia đình anh H không nhận mà đòi đất. Do thôn chưa hợp thức hóa được đất nên chưa giao đất cho anh H, số tiền 40 triệu thôn đã gửi vào Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Y1. Từ năm 2006 đến nay các khóa trưởng thôn đều nhận và bàn giao cho các khóa sau. Năm 2012 ông K có bàn giao lại sổ tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp cho trưởng thôn khóa sau là ông Kiều Xuân N2 tiếp nhận. Đến năm 2015-2016 anh H tiếp tục có đơn tố cáo gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y1 tố cáo ông Kiều Văn N lừa đảo và chiếm đoạt số tiền trên. Cơ quan điều tra tiếp tục gọi các ông lên Công an huyện tạm thu giữ sổ sách tài liệu của thôn liên quan đến số tiền thu đất của anh H để điều tra. Cơ quan điều tra xác minh xem số tiền thu của anh H các khóa trưởng thôn bàn giao có tiêu không. Kết quả điều tra đã xác định khóa trưởng thôn của ông Kiều Xuân N2 làm trưởng thôn không thông qua Chi bộ tự động rút tiền về chi trái pháp luật. Hiện ông Kiều Xuân N2 đã mất. Hiện tại số tiền trên ông K đã bàn giao cho trưởng thôn khóa sau, không còn liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 01/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 29, Điều 30 Luật khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn H gồm:

- Yêu cầu hủy Văn bản số 1009/UBND-NC ngày 07/07/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y1 về việc giải quyết đơn của ông Lưu Văn H, thôn Y, xã H .

- Yêu cầu hủy Văn bản số 923/CV-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y1 về việc giải quyết đơn của ông Lưu Văn H, thôn Y, xã H .

- Yêu cầu UBND huyện Y1 phải giao cho gia đình anh H đúng vị trí đất tại lô số 07 khu Ao, Chuôm cổng Bến thuộc Thôn Y, xã H , huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 17/04/2007 của UBND huyện Y1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/4/2021, người khởi kiện là anh Lưu Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lưu Văn H giữ nguyên nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo, anh H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét việc cấp sơ thẩm không xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; việc giải quyết khiếu nại của UBND huyện Y1 không tuân thủ trình tự, thủ tục khiếu nại, hình thức văn bản; đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; ngoài ra yêu cầu xem xét khởi tố vụ án, điều tra hành vi vi phạm việc quản lý, mua bán, cấp đất trái phép của cán bộ xã, thôn tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Về nội dung: Văn bản số 1009 và Văn bản số 923 về việc giải quyết đơn của anh Lưu Văn H, thôn thôn Y, xã H , huyện Y1 về thẩm quyền ban hành, trình tự, thủ tục cũng như nội dung đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh H có quyền khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu bồi thường trong vụ án khác khi có yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của của người khởi kiện; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Anh Lưu Văn H khởi kiện đề nghị hủy Văn bản số 1009/UBND-NC ngày 07/07/2020 của Chủ tịch UBND huyện Y1 về việc giải quyết đơn của ông Lưu Văn H và Văn bản số 923/CV-UBND ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện Y1 về việc giải quyết đơn của ông Lưu Văn H, thôn Y, xã H , huyện Y1 là các quyết định hành chính bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Y1 và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157 và khoản 1, khoản 3 Điều 158 Luật tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của anh Lưu Văn H, HĐXX thấy:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Văn bản số 1009 và Văn bản số 923:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức ban hành Văn bản số 1009 và Văn bản số 923:

Ngày 15/8/2016, anh Lưu Văn H có đơn đề nghị giải quyết việc năm 2006 gia đình anh có mua đất của thôn Y tại khu Ao, Chuôm Cổng Bến đến nay chưa được giao đất. Ngày 07/10/2016, Chủ tịch UBND huyện Y1 ban hành Văn bản số 923 về việc trả lời đơn của anh H. Không đồng ý với Văn bản 923, anh H tiếp tục có đơn kiến nghị đến UBND huyện Y1 về việc liên quan đến việc gia đình anh chưa được giao cho lô đất tại khu Ao, Chuôm Cổng Bến. Ngày 07/07/2020 Chủ tịch UBND huyện Y1 tiếp tục ban hành Văn bản số 1009 về việc giải quyết đơn của anh H.

Như vậy, Văn bản số 923 và Văn bản số 1009 được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại; Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Mặc dù trình tự, thủ tục ban hành chưa đảm bảo theo quy định của Luật khiếu nại; về mặt hình thức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y1 ban hành Văn bản trả lời đơn công dân mà không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là chưa đúng quy định về hình thức tại Điều 31 Luật khiếu nại; Tuy nhiên, những vi phạm này không ảnh hưởng đến bản chất vụ việc, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, do đó, đây không phải là căn cứ để hủy Quyết định hành chính.

- Về nội dung của Văn bản số 1009 và Văn bản số 923:

Tại Kết luận số 03/KL-TT ngày 20/7/2000 của Thanh tra huyện Y1 đã khẳng định việc HTX thôn Y giao cấp bán đất cho một số hộ dân trong thôn vào

năm 1995 và năm 2000 tại khu Ao, Chuôm Cổng Bến là trái thẩm quyền. Tuy nhiên, toàn bộ diện tích cấp bán trên đều nằm trong quy hoạch sử dụng đất được UBND huyện Y1 phê duyệt. Kết luận cũng nêu yêu cầu Chủ tịch UBND xã H phối hợp cùng thôn Y lập hồ sơ đất để trình cấp có thẩm quyền hợp thức hóa đất.

Mặc dù hồ sơ quy hoạch chưa được phê duyệt, nhưng đến tháng 6/2006, HTX thôn Y tiếp tục giao cấp bán trái thẩm quyền cho 02 hộ gia đình (gồm hộ ông Lưu Văn H và hộ ông Lưu Văn N1) với 02 lô đất tại khu Chuôm Cổng Bến, diện tích 170m^2 (85m^2/lô).

Ngày 17/4/2007, UBND huyện Y1 mới ban hành Quyết định số 432 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu dân cư Ao, Chuôm Cổng Bến, thôn Y, xã H , huyện Y1 (hợp thức hóa); trong đó tổng diện tích đất ở là 2.106m^2 (gồm: Ao Cổng Bến 08 lô; Chuôm Cổng Bến 15 lô). Tuy nhiên, Ban quản lý HTX thôn Y không thực hiện được theo Quyết định 432 với lý do: HTX thôn Y không có kinh phí để nộp tiền sử dụng đất vào Kho bạc Nhà nước huyện Y1 theo diện tích và danh sách được phê duyệt để giao đất cho các hộ. Do đó, toàn bộ diện tích đất ở thôn Y bán trái thẩm quyền nêu trên chưa hợp thức hóa để giao và cấp GCNQSD đất ở cho các hộ đã mua.

Ngày 22/6/2007, Chủ tịch UBND huyện Y1 ban hành Quyết định số 1156/QĐ-CT về việc thanh tra công tác quản lý và sử dụng đất đai từ năm 2000 đến năm 2006 đối với Ban quản lý HTX, lãnh đạo thôn Y, xã H . Ngày 12/12/2007, Chủ tịch UBND huyện Y1 đã ban hành Kết luận số 482/KL-CT về việc thanh tra công tác quản lý và sử dụng đất đai từ năm 2000-2006 đối với Ban quản lý HTX, lãnh đạo thôn Y, xã H . Trong Kết luận đã nêu rõ: *"Thu hồi 170m^2 đất do Ban quản lý HTX khóa 2005-2007 bán trái thẩm quyền (bán ngày 08/10/2006) cho hai hộ là ông Lưu Văn H và hộ ông Lưu Văn N1am vì đã vi phạm khoản 3, Điều 15 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định Nhà nước không công nhận quyền sử dụng đất, không cấp giấy chứng nhận và thu hồi toàn bộ diện tích do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau".*

Sau khi có Kết luận thanh tra số 482, Ban quản lý HTX thôn Y nhiệm kỳ 2005-2007 đã mời hộ anh Lưu Văn H lên để trả lại số tiền đã đóng mua đất nhưng anh H không nhận tiền và yêu cầu Ban quản lý HTX thôn Y giao đất. Ban quản lý HTX thôn Y đã gửi toàn bộ số tiền của hộ anh H vào Ngân hàng Nông nghiệp huyện Y1.

Như vậy, Văn bản số 923 của Chủ tịch UBND huyện Y1 về việc giải quyết yêu cầu được giao đất đã mua năm 2006 của anh H; Văn bản số 1009 của Chủ tịch UBND huyện Y1 khẳng định nội dung đơn của công dân đã được UBND huyện xác minh, giải quyết trả lời rõ tại Văn bản số 923 về nội dung là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của anh Lưu Văn H yêu cầu UBND huyện Y1 phải giao cho gia đình anh đúng vị trí đất tại lô số 07 khu Ao, Chuôm Cổng Bến thuộc Thôn Y, xã H , huyện Y1, tỉnh Bắc Ninh theo Quyết định số 432:

Như đã phân tích ở trên, mặc dù tại Quyết định số 432, UBND huyện Y1 đã tiến hành hợp thức hóa đất tại khu Ao, Chuôm Cổng Bến nhưng HTX thông Yên Hậu đã không tiến hành nộp tiền sử dụng đất vào Kho bạc Nhà nước huyện Y1 theo diện tích và danh sách được phê duyệt để giao đất cho các hộ. Do đó, việc giao đất trái thẩm quyền bao gồm cả lô đất số 07 khu Ao, Chuôm Cổng Bến hộ anh H đã nộp tiền mua đất là chưa được hợp thức hóa. Mặt khác, tại Kết luận 482/KL-CT ngày 12/12/2007, Chủ tịch UBND huyện Y1 đã quyết định thu hồi toàn bộ diện tích do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau, trong đó bao gồm cả lô đất số 07 nêu trên là phù hợp quy định tại khoản 3, Điều 15 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Do đó, việc anh H yêu cầu UBND huyện Y1 phải xem xét giải quyết cho gia đình anh được lô đất tại vị trí lô số 07 khu Ao, Chuôm Cổng Bến thuộc thôn Y, xã H , huyện Y1 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Như vậy, yêu cầu kháng cáo của anh Lưu Văn H đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công Ki, xem xét đầy đủ, toàn diện tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của các bên đương sự đã quyết định bác toàn bộ nội dung kháng cáo của anh Lưu Văn H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Việc vi phạm của các cá nhân, tập thể trong việc quản lý, mua bán, cấp đất trái phép nếu có được giải quyết theo thủ tục tố tụng hình sự, không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Thiệt hại về tài sản của gia đình anh Lưu Văn H từ việc Ban quản lý HTX thôn Y bán đất và nhận tiền trái phép sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lưu Văn H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX thấy không có cơ sở chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của anh Lưu Văn H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lưu Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của anh Lưu Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc

Ninh.

2. Anh Lưu Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm anh H đã nộp tại biên lai số 0004770 ngày 16/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển